TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/DS-ST
Ngày 13 - 8- 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Tạ Dương Thắng

Ông Thạch Văn Hòa

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành*** tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 và ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2024/TLST-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-DS ngày 27 ngày 5 tháng 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Kim C, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm 1992 (Theo Giấy ủy quyền đề ngày 05/12/2023)

Địa chỉ: Số A đường Đ, Khóm E, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: 1. Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1977 (có mặt)

2. Bà Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1977 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2023 của nguyên đơn là bà Hồ Kim C và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Minh T đều trình bày:*

Nguyên bà Hồ Kim C và vợ chồng ông Nguyễn Thành T1, bà Đỗ Thị Thanh H là chỗ quen biết và sống cùng ấp nên ông T1 và bà H có vay của bà C một số tiền như sau:

Ngày 25/9/2022 âm lịch (nhằm ngày 20/10/2022 dương lịch) vợ chồng ông T1 và bà Hà M của bà C số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 0,83%/tháng, thời hạn vay thỏa thuận bằng miệng là 04 tháng. Lúc mượn tiền bà H có viết giấy mượn tiền cho bà C. Sau khi mượn tiền ông T1 và bà H có trả được số tiền lãi cho bà Cẩm T2 đến ngày 20/11/2023 là 13 tháng, mỗi tháng là 332.000 đồng, tổng số tiền lãi ông T1 và bà H đã trả được trên số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng là 4.316.000 đồng;

Ngày 25/9/2022 âm lịch (nhằm ngày 20/10/2022 dương lịch) vợ chồng ông T1 và bà H mượn thêm của bà C số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 0,83%/tháng, thời hạn vay thỏa thuận bằng miệng là 04 tháng. Lúc mượn tiền bà H có viết giấy mượn tiền cho bà C. Sau khi mượn ông T1 và bà H không trả tiền lãi cho bà C và hứa sau khi bán được đất sẽ trả đủ tiền gốc và lãi cho bà C.

Ngày 25/10/2022 âm lịch (nhằm ngày 18/11/2022 dương lịch) vợ chồng ông T1 và bà H có mượn của bà C số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 0,83%/tháng, thời hạn vay thỏa thuận bằng miệng là 04 tháng. Lúc mượn tiền bà H có viết giấy mượn tiền cho bà C. Sau khi mượn ông T1 và bà H có trả được số tiền lãi cho bà Cẩm tính đến ngày 18/11/2023 là 12 tháng, mỗi tháng là 4.980.000 đồng, tổng số tiền lãi ông T1 và bà H đã trả được trên số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng là 59.760.000 đồng;

Ngày 02/3/2023 âm lịch (nhằm ngày 21/4/2023 dương lịch) vợ chồng ông T1 và bà H mượn thêm của bà C số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 0,83%/tháng và hứa sau khi bán được đất sẽ trả tất cả số tiền lãi, tiền vốn gốc đã mượn trước đó của bà C. Nhưng sau khi bán được đất ông T1 và bà H không chịu trả bất cứ khoản tiền lãi và tiền vốn gốc nào cho bà C, mặc dù bà C đã nhiều lần đến nhà ông T1 và bà H để đòi nhưng ông T1 và bà H cố tình không trả.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Cẩm yêu cầu ông Nguyễn Thành T1, bà Đỗ Thị Thanh H phải có trách nhiệm liên đới trả tiền vốn và tiền lãi tổng số tiền là 850.790.000 đồng (trong đó có 840.000.000 đồng là tiền vốn mượn và tiền lãi suất tạm tính được tính trên số tiền vốn mượn 100.000.000 đồng vào ngày

25/09/2022 âm lịch (nhằm ngày 20/10/2022 dương lịch) được tính từ ngày 20/10/2022 đến ngày 20/11/2023 là 10.790.000 đồng và được tính như sau: 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 13 tháng = 10.790.000 đồng) đồng thời yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi suất đối các khoản tiền vốn mượn như sau: Tiếp tục tính tiền lãi suất đối khoản tiền vốn mượn là 40.000.000 đồng từ ngày 21/11/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tiếp tục tính tiền lãi suất đối khoản tiền vốn mượn là 100.000.000 đồng từ ngày 21/11/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tiếp tục tính tiền lãi suất đối khoản tiền vốn mượn là 600.000.000 đồng từ ngày 19/11/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tiếp tục tính tiền lãi suất đối khoản tiền vốn mượn là 100.000.000 đồng từ ngày 21/4/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Minh T trình bày: Theo đơn khởi kiện trước đây nguyên đơn có yêu cầu buộc ông Nguyễn Thành T1 và bà Đỗ Thị Thanh H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hồ Kim C số tiền là 850.790.000 đồng (trong đó tiền vốn là 840.000.000 đồng và tiền lãi 10.790.000) đồng thời yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi suất đối các khoản tiền vốn đã mượn nay nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông T1 phải liên đới trả số tiền vốn vay và tiền lãi cho bà C với số tiền vốn là 840.000.000 đồng và tiền lãi.

** Tại Biên bản hòa giải ngày 07 tháng 5 năm 2024, cũng như tại phiên tòa bị đơn Đỗ Thị Thanh H đều trình bày:*

Đầu năm 2020 (ngày tháng cụ thể không nhớ) bị đơn H có vay của nguyên đơn Cẩm số tiền là 400.000.000 đồng, khi vay tiền bị đơn có viết số tiền nợ vào sổ tay của bà C, lãi thỏa thuận là 3%/tháng, bị đơn đóng lãi không đầy đủ, đóng lãi vào ngày tháng năm nào không nhớ rõ, việc đóng lãi cũng không có làm giấy tờ. Mục đích vay là để xoay tiền hụi hè ở nhà. Do thiếu tiền lãi nhiều lần sau đó tổng số tiền lãi thiếu là 100.000.000 đồng, bà C có yêu cầu ghi tiền lãi này thành (nhập) tiền vốn, ghi vào sổ của bà C, ghi vào ngày tháng năm không rõ.

Tiếp đó, số tiền vốn là 400.000.000 đồng và tiền lãi 100.000.000 đồng nhập chung lại thành 500.000.000 đồng tiền vốn. Nhưng phần tiền 400.000.000 đồng tiền lãi là 12.000.000 đồng/tháng. Còn phần tiền 100.000.000đồng thì tiền lãi là 9.000.000 đồng/tháng.

Ngày 25/9/2022 (âm lịch) bà C có kêu bị đơn lại nhà bà C, bắt bị đơn phải trả tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng, thì tiền lãi tổng cộng là 40.000.000 đồng, do không có tiền đóng lãi nên bà C kêu ghi biên nhận là 40.000.000 đồng tiền lãi.

Trong ngày 25/9/2022 (âm lịch) bà C kêu đóng lãi số tiền 400.000.000 đồng tiền lãi là 102.000.000 đồng, bà C kêu ghi số tiền 100.000.000 đồng này là tiền vốn.

Ngày 25/10/2022 (âm lịch) bà C kêu phải trả tiền vốn của số tiền

400.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này là 100.000.000 đồng nhưng bị đơn không có tiền trả, tiếp đó bà C kêu phải ký nhận là 600.000.000 đồng và bị đơn có ký nhận số nợ là 600.000.000 đồng.

Ngày 03/02/2023 bà C yêu cầu trả vốn và lời, bị đơn không có tiền trả vì vậy bà C tiếp tục kêu ký nhận số tiền 100.000.000 đồng nữa.

Tổng cộng bị đơn có ký 04 cái biên nhận và 04 cái biên nhận này nguyên đơn Cẩm đã cung cấp cho Tòa án.

Tại tòa, bị đơn đồng ý trả số tiền vốn là 600.000.000 đồng, xin được bớt tiền lãi của số tiền vốn 600.000.000 đồng và yêu cầu được trả chậm số tiền 600.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nêu trên.

** Tại Biên bản hòa giải ngày 07 tháng 5 năm 2024, cũng như tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thành T1 trình bày:*

Việc vay mượn tiền giữa bà H và bà C bị đơn không biết, đối với số tiền vay mượn nêu trên bị đơn không đồng ý trả vì bị đơn không biết. Từ khi cưới vợ đến nay bị đơn làm được bao nhiêu tiền đều do vợ là bị đơn H cất giữ, mọi chi phí trong nhà do bà H quyết định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bị đơn phải liên đới cùng với bị đơn H phải trả tiền vốn là 840.000.000 đồng và tiền lãi cho nguyên đơn Cẩm nữa, bị đơn đồng ý và không có ý kiến khác.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn và các bị đơn đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà C, về việc yêu cầu bà Đỗ Thị Thanh H phải trả cho bà số tiền đã mượn là 840.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 78.130.209 đồng và không yêu cầu ông T1 trả liên đới trả số tiền nêu trên cùng bà H. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp được bản chính 04 Tờ giấy mượn tiền ngày 25 tháng 9 năm 2022 (âm lịch) 02 tờ, ngày 25/10/2022 (âm lịch) ngày 2/3/2023 (âm lịch) đều có tên và chữ ký Đỗ Thị Thanh H. Qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại

phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Kim C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 05 tháng 12 năm 2023, nguyên đơn là bà Hồ Kim C yêu cầu bà Đỗ Thị Thanh H và ông Nguyễn Thành T1 phải liên đới trả số tiền gốc, lãi theo 04 Tờ giấy mượn tiền ngày 25 tháng 9 năm 2022 (âm lịch) 02 tờ, ngày 25/10/2022 (âm lịch) và ngày 2/3/2023 (âm lịch) đều có tên và chữ ký Đỗ Thị Thanh H và các bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Cẩm là ông Võ Minh T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Theo đơn khởi kiện trước đây nguyên đơn có yêu cầu buộc ông Nguyễn Thành T1 và bà Đỗ Thị Thanh H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hồ Kim C số tiền là 850.790.000 đồng (trong đó tiền vốn là 840.000.000 đồng và tiền lãi 10.790.000) đồng thời yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi suất đối các khoản tiền vốn đã mượn. Nay nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông Nguyễn Thành T1 phải liên đới cùng bà H trả số tiền nêu trên nữa mà chỉ yêu cầu một mình bà H trả số tiền vốn và tiền lãi đã mượn của nguyên đơn C. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về nội dung vụ án:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, cụ thể:

Buổi sáng ngày 25/9/2022 âm lịch (nhằm ngày 20/10/2022 dương lịch) bà H có mượn và viết giấy mượn số tiền 40.000.000 đồng giữa bà H và bà C có thỏa thuận miệng lãi suất 0,83%/tháng và thời hạn vay 04 tháng. Sau khi mượn tiền bà H đã trả cho nguyên đơn tiền lãi tính đến ngày 20/11/2023 là 4.316.000 đồng.

Buổi chiều ngày 25/9/2022 âm lịch (nhằm ngày 20/10/2022 dương lịch) bà H có mượn và viết giấy mượn số tiền 100.000.000 đồng giữa bà H và bà C có thỏa thuận miệng lãi suất 0,83%/tháng và thời hạn vay 04 tháng, sau khi mượn số tiền này bà H không trả được khoản tiền lãi nào cho nguyên đơn.

Ngày 25/10/2022 âm lịch (nhằm ngày 18/11/2022 dương lịch) bà H có đến nhà bà C mượn số tiền là 600.000.000 đồng và viết giấy mượn tiền, hai bên có thỏa thuận miệng tiền lãi là 0,83%/tháng, thời hạn vay là 04 tháng. Sau khi mượn bà H có trả tiền lãi được đến ngày 18/11/2023 là 12 tháng với số tiền lãi là 59.760.000 đồng.

Ngày 02/3/2023 âm lịch (nhằm ngày 21/4/2023 dương lịch) bà H có mượn và viết giấy mượn số tiền 100.000.000 đồng giữa bà H và bà C có thỏa thuận miệng lãi suất 0,83%/tháng và thời hạn vay khi nào bán đất được sẽ trả hết tất cả số tiền vốn và tiền lãi cho nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn C thì thấy rằng: Việc vay tiền và mượn tiền giữa các bên có xảy ra trên thực tế, thể hiện tại tờ biên nhận do bị đơn Đỗ Thị Thanh H đã viết và ký tên vào các tờ biên nhận tiền buổi sáng ngày 25/9/2022 (âm lịch) mượn số tiền là 40.000.000 đồng và buổi chiều mượn số tiền là 100.000.000 đồng, ngày 25/10/2022 (âm lịch) mượn số tiền là 600.000.000 đồng, ngày 02/3/2023 mượn số tiền là 100.000.000 đồng, tổng số tiền vốn đã mượn là 840.000.000 đồng và tiền lãi là 0.83%/tháng, mục đích vay là để bị đơn H trả tiền cho các hụi viên (do một số chân hụi do bị đơn H làm chủ hụi bị bể hụi).

Nội dung của các giấy biên nhận và số tiền còn nợ lại nêu trên phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn H đều thừa nhận các giấy mượn tiền vào ngày 25/9/2022 (âm lịch) viết 02 tờ, ngày 25/10/2022 (âm lịch), ngày 02/3/2023 đều do chính bị đơn H trực tiếp viết và ký tên vào các tờ giấy nêu trên. Do bị đơn H không thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đã quy định bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Các bên đương sự đều thừa nhận thời hạn vay tài sản theo thỏa thuận của 03 biên nhận đầu tiền là 04 tháng còn biên nhận ngày 02/3/2023 không xác định thời hạn, tuy nhiên bị đơn H không thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn Cẩm là có căn cứ.

[6] Tại phiên tòa bị đơn H thừa nhận bị đơn H có vay tiền của nguyên đơn vào đầu năm 2020 (ngày tháng cụ thể không nhớ) vay 400.000.000 đồng, lãi là 3%/tháng, mục đích vay là để xoay tiền hụi. Do đóng tiền lãi không đầy đủ nên nguyên đơn bắt nhập tiền lãi vào tiền vốn đối với 04 tờ giấy mượn tiền được viết

vào các ngày 25/9/2022 (âm lịch) bị đơn viết 02 tờ mượn tiền và biên nhận ngày 25/10/2022 (âm lịch) ngày 03/02/2023 trong đó có tiền lãi nhập tiền vốn, thực tế bị đơn chỉ mượn của bà C số tiền vốn là 600.000.000 đồng, trước đó, do đóng tiền lãi cho nguyên đơn nhiều, nên bị đơn xin không tính tiền lãi và xin trả chậm số tiền 600.000.000 đồng này cho nguyên đơn C.

Xét lời trình bày nêu trên của bị đơn H, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn H trình bày đã đóng tiền lãi cho nguyên đơn với mức lãi suất là 3%/tháng cũng như các biên nhận nêu trên là nhập tiền lãi vào tiền vốn. Nhưng việc đóng lãi và nhập tiền lãi vào tiền vốn bị đơn không xác định được ngày tháng năm cụ thể và cũng không xác định được số tiền đã đóng lãi cho nguyên đơn, việc đóng lãi và trả số tiền như bị đơn H trình bày không có người làm chứng và cũng không cung cấp được những tài liệu chứng cứ, chứng minh việc bị đơn H, trình bày đã trả tiền lãi và số tiền lãi còn lại nhập vào tiền vốn. Bên cạnh đó, tại phiên tòa nguyên đơn không thừa nhận bị đơn đã phải trả tiền lãi là 3%/tháng và cũng không thừa nhận việc bị đơn không có tiền đóng tiền lãi, mà nguyên đơn đã nhập tiền lãi và tiền vốn như lời bị đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Do đó từ những chứng cứ và phân tích nêu trên, xét thấy lời trình bày của bị đơn H không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Do bị đơn H không thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn Cẩm theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự đã quy định bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn. Tuy nhiên, bị đơn H không thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên, xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn C thì thấy rằng: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì lãi suất do các bên thỏa thuận trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn H phải trả tiền lãi là 0.83%/tháng không cao so với quy định vì vậy yêu cầu tính lãi được Hội đồng xét xử chấp nhận, tiền lãi bị đơn H phải trả cho nguyên đơn cụ thể như sau:

Tiền lãi trên số tiền vốn vay 40.000.000 đồng được tính từ ngày 21/11/2023 đến ngày 12/8/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng cụ thể như sau: 40.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 08 tháng 22 ngày = 2.910.995 đồng.

Tiền lãi trên số tiền vốn vay 100.000.000 đồng được tính từ ngày 21/10/2022 đến ngày 12/8/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng cụ thể như sau: 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 01 năm 9 tháng 22 ngày = 18.110.387 đồng.

Tiền lãi trên số tiền vốn vay 600.000.000 đồng được tính từ ngày 19/11/2023

đến ngày 12/8/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng cụ thể như sau: 600.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 8 tháng 24 ngày = 43.998.240 đồng.

Tiền lãi trên số tiền vốn vay 100.000.000 đồng được tính từ ngày 21/4/2023 đến ngày 12/8/2024 với mức lãi suất là 0,83%/tháng cụ thể như sau: 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 01 năm 3 tháng 22 ngày = 13.110.587 đồng.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cẩm buộc bị đơn H phải trả cho nguyên đơn C 840.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi là 78.130.209 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

[10] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] **Về án phí**: Nguyên đơn Cẩm không phải chịu án phí và bị đơn H phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Điều 147, Khoản 2 Điều 244, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 3 Điều 235, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Khoản 2 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cẩm là không yêu cầu bị đơn Nguyễn Thành T1 phải liên đới cùng bị đơn Đỗ Thị Thanh H phải trả

cho nguyên đơn C số tiền vốn là 840.000.000 đồng và tiền lãi là 78.130.209 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Hồ Kim C:

Buộc bị đơn là bà Đỗ Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Hồ Kim C số tiền tổng cộng là 918.130.209 đồng (trong đó tiền vốn vay là 840.000.000 đồng, tiền lãi là 78.130.209 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu là 39.543.906 đồng. Nguyên đơn C không phải chịu; trả lại cho Hồ Kim C tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.762.000 đồng theo biên lai số 0000740 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ